

Bản án số: 64/2018/HS-ST
Ngày 10 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lương
Bà Bùi Thị Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kuc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/HSST-QĐ ngày 02/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức N (Bi) - sinh năm: 1984; tại: NT, Khánh Hòa; HKTT: Tổ 21 Tây B (Tổ 03 Tây B), phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thanh C, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1963, Vợ Lê Thị Xuân S, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2008.

Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 13/6/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 26/4/2013.

- Ngày 25/12/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2016. Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã N, tỉnh Khánh Hòa từ ngày 06/6/2018; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lưu Ngọc Á, sinh năm: 1970; tại: Khánh Hòa; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Ngọc A(chết), và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1951.

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã N, tỉnh Khánh Hòa từ ngày 21/6/2018;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Công ty TNHH MTV xây dựng L

Địa chỉ: Tổ 19, Khu Phố 3, phường Long Bình T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền cho người bị hại: Ông Phùng Văn N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đàng Duy L, sinh năm 1976

Địa chỉ: 107 Hồng Bàng, phường T, NT, Khánh Hòa. Vắng mặt

- **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt;

2. Ông Nguyễn E, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 03/01/2018 Trần Đức N và Lưu Ngọc A rủ nhau trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Cả hai chuẩn bị 03 cờ lê, 01 mỏ lết, kèm cất bỏ vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 79L3-8652 của Á, Rồi Á chở N đi từ thành phố N đến thị xã N.

Khoảng 01 giờ 00 ngày 04/01/2018, Á và N đến khu vực tổ dân phố M, phường N thì thấy công trình đang xây dựng của Công ty TNHH một thành viên xây dựng L không có người trông coi, Á đứng ngoài cảnh giới còn N vào trong dùng cờ lê tháo một mô tơ điện của máy trộn bê tông và dùng kìm cắt 01 cuộn dây điện dài 40 mét rồi đưa Á đem đi cất giấu. N tiếp tục dùng mỏ lết bẻ khóa phòng làm việc của Công ty lấy 01 máy tính, còn Á trở vào lấy 01 cục phát tín hiệu wife rồi tiếp tục đem đi, sau đó Á quay lại chở N đến nơi cất giấu tài sản thì bị một số người dân phát hiện đưa cả hai cùng tang vật đến Công an Đồn H làm việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N thì tài sản của Công ty TNHH một thành viên xây dựng L bị chiếm đoạt có giá trị 3.435.000đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Theo bản cáo trạng số: 37/KSĐT-TA ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Trần Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; bị cáo Lưu Ngọc Á tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án hoàn toàn hợp pháp. Hoạt động của Điều tra viên, Kiểm sát viên và các quyết định tố tụng đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích cho những người tham gia tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt lần thứ hai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đức N, Lưu Ngọc Á đã khai nhận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã rủ nhau đi trộm cắp để lấy tiền tiêu xài. Cả hai đến khu vực tổ dân phố M, phường N vào Khoảng 01 giờ 00 ngày 04/01/2018, thì thấy công trình đang xây dựng của Công ty TNHH một thành viên xây dựng L không có người trông coi, Á đứng ngoài cánh giới còn N vào trong dùng cờ lê tháo một mô tơ điện của máy trộn bê tông và dùng kìm cắt 01 cuộn dây điện dài 40 mét rồi đưa Á đem đi cất giấu. N tiếp tục dùng mỏ lết bẻ khóa phòng làm việc của Công ty lấy 01 máy tính, còn Á trở vào lấy 01 cục phát tín hiệu wife rồi tiếp tục đem đi, sau đó Á quay lại chở N đến nơi cất giấu tài sản thì bị một số người dân phát hiện đưa cả hai cùng tang vật đến Công an Đồn H làm việc.

[2.1]. Từ đó, có căn cứ để khẳng định hành vi của các bị cáo Trần Đức N và Lưu Ngọc Á đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2.2] Bản cáo trạng số 56/CT-VKS -HS ngày 13/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Trần Đức N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; bị cáo Lưu Ngọc Á tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo bị cáo theo tội danh như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Đức N đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 (Sáu) tháng tù tính từ ngày tạm giam; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Lưu Ngọc Á từ 06 đến 09 tháng tù tính từ ngày tạm giam.

[3.1] về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hồ sơ vụ án thể hiện họ không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] về vật chứng vụ án:

- 01(một) mô tơ điện 1,5 ngựa; 01(một) cuộn dây điện 04 ruột, màu xám trắng, có lõi kim loại dài 40 mét; 01 máy in hiệu Hp, màu đen; 01(một) máy phát tín hiệu wife hiệu Huawei màu trắng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 17/4/2018.

- Đối với 01(một) xe mô tô BKS 79L3-8652; 01 giấy đăng ký xe mô tô 79L3-8652 mang tên Đảng Duy L chưa thể hiện chủ sở hữu thật sự nên đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị thông báo tìm chủ sở hữu, nếu hết thời hạn thông báo mà chưa tìm được chủ sở hữu thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- Trả lại cho Lưu Ngọc Á 01(một) điện thoại di động hiệu Sony.

- 01(một) cờ lê 13; 02 (hai) cờ lê 17; 01(một) mỏ lết; 01(một) kìm cắt; Xét thấy vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an thị xã N với Chi cục thi hành án dân sự thị xã N ngày 18/8/2018).

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo N đã có 02 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Trộm cắp tài sản"; Sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo không chịu cải tạo, làm ăn lương thiện mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4.1] Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp trong vụ án đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hơn nữa, bị cáo đang bị HIV giai đoạn 2, do đó, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử bị cáo N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề để bị cáo thấy được sự khoan hồng của nhà nước ta, giúp bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4.2] Đối với hành vi của bị cáo Lưu Ngọc Á, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác.

[4.3] Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội nhưng tài sản trộm cắp trong vụ án đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, Công ty TNHH một thành viên xây dựng L vắng mặt nhưng căn cứ lời khai của đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên xây dựng L có tại hồ sơ vụ án thì tài sản bị trộm cắp, Công ty TNHH một thành viên xây dựng L đã được nhận lại đầy đủ nên không yêu cầu bồi thường và cũng không có khiếu nại gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đảng Duy L vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ thể hiện xe mô tô biên kiểm soát 79L3- 8652 ông L đã bán và ông L không yêu cầu bồi thường và cũng không có khiếu nại gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 17/4/2018 gồm: 01(một) mô tơ điện 1,5 ngựa; 01(một) cuộn dây điện 04 ruột, màu xám trắng, có lõi kim loại dài 40 mét; 01 máy in hiệu Hp, màu đen; 01(một) máy phát tín hiệu wife hiệu Huawei màu trắng.

- Đối với 01(một) xe mô tô BKS 79L3-8652; 01 giấy đăng ký xe mô tô 79L3-8652 mang tên Đảng Duy L, trong hồ sơ thể hiện ông L đã bán chiếc xe trên cho một người phụ nữ không biết tên. Do đó, kiến nghị Chi cục thi hành án dân sự thị xã N cần thông báo tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nếu hết thời hạn quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự 2015 mà không xác định được chủ sở hữu, không ai tranh chấp sở hữu thì chiếc xe trên được sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01(một) điện thoại di động hiệu Sony không phải là phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo Lưu Ngọc Á.

- Đối với 01(một) cờ lê 13; 02 (hai) cờ lê 17; 01(một) mỏ lết; 01(một) kìm cắt; Xét thấy vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an thị xã N với Chi cục thi hành án dân sự thị xã N ngày 18/8/2018).

[7] Về án phí: Mỗi Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm h- s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Đức N;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lưu Ngọc Á;

Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản"; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/6/2018.

- Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Á 09 (Chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/6/2018.

- Về trách nhiệm dân sự:

Không xét về việc bồi thường thiệt hại về tài sản giữa các bị cáo Trần Đức N, Lưu Ngọc Á đối với Công ty TNHH một thành viên xây dựng L và Đảng Duy L.

- Về vật chứng vụ án:

+ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 17/4/2018 gồm: 01(một) mô tơ điện 1,5 ngựa; 01(một) cuộn dây điện 04 ruột, màu xám trắng, có lõi kim loại dài 40 mét; 01 máy in hiệu Hp, màu đen; 01(một) máy phát tín hiệu wife hiệu Huawei màu trắng.

+ Đối với 01(một) xe mô tô BKS 79L3-8652; 01 giấy đăng ký xe mô tô 79L3-8652 mang tên Đảng Duy L, trong hồ sơ thể hiện ông L đã bán chiếc xe trên cho một người phụ nữ không biết tên. Do đó, kiến nghị Chi cục thi hành án dân sự thị xã N cần thông báo tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nếu hết thời hạn quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự 2015 mà không xác định được chủ sở hữu, không ai tranh chấp sở hữu thì chiếc xe trên được sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01(một) điện thoại di động hiệu Sony không phải là phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo Lưu Ngọc Á.

+ Đối với: 01(một) cờ lê 13; 02 (hai) cờ lê 17; 01(một) mỏ lết; 01(một) kìm cắt; Xét thấy vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an thị xã N với Chi cục thi hành án dân sự thị xã N ngày 18/8/2018).

- Về án phí:

Các Bị cáo Trần Đức N, Lưu Ngọc Á, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo của các bị cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Chi cục THA dân sự thị xã N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

NGUYỄN THỊ NHẬT ANH